

Cty CP Lưới Thép Bình Tây
(VDT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/VDT-TCKT

V/v: Công bố thông tin
Phát hành thay thế BCTC 2019

TP.HCM, ngày 23 tháng 03 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty : **Công Ty Cổ Phần Lưới Thép Bình Tây**

Mã chứng khoán: **VDT**

Địa chỉ trụ sở chính: 117 Âu Cơ P.Phú Trung Q.Tân Phú TP.HCM, Việt Nam.

Điện thoại : 02839746171, 22134252 Fax : 02839746171

Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Phương Dung**

Địa chỉ : 136/63 Trần Văn Quang P.10 Q.Tân Bình TP.HCM.

Điện thoại di động: 0903360536 Fax: 02839746171

Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế

Phát hành thay thế báo cáo kiểm toán số 110220.001/BCTC.HCM ngày 11/02/2020 bằng kiểm toán số 230220.001/BCTC.HCM ngày 23/03/2020.

7. Địa chỉ website đăng tải nội dung: www.luoithepbinhtay.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 23 tháng 03 năm 2020

Người thực hiện công bố thông tin

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu P.TCKT



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯỚI THÉP BÌNH TÂY

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)

M.S.D.A.

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-34
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-34



Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Lưới thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 14 ngày 06 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Hải Tú	Ủy viên
Ông Trần Văn Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Lương	Ủy viên
Bà Lê Thị Kim Chính	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hải Tú	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Huỳnh Thị Tuyết Trâm	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Thu Nga	Thành viên
Bà Trịnh Thị Mai Phượng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

11
CÔNG
THÀNH
KIỂM
AASC
KIỂM

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây

Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Lê Hải Tú

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

05
TY
HỮU
AT
SC
TP

Số: 230320.003/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây được lập ngày 23 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc về thuyết minh số 32 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định thu hồi 02 khu đất đang cho Công ty thuê trả tiền hàng năm tại số 792, đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6 và số 165/5 đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6. Khu đất tại số 165/5, đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6 đang được Công ty dùng làm tài sản hợp tác trong hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây, do khu đất này bị thu hồi nên hợp đồng hợp tác có khả năng sẽ không thực hiện được. Hiện nay, các bên tham gia vẫn chưa thống nhất phương thức xử lý hợp đồng hợp tác đã ký kết cũng như các vấn đề liên quan.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập số 110220.001/BCTC.HCM ngày 11/02/2020 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC căn cứ theo Công văn số 28/2020 ngày 23/03/2020 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây về việc không sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để thực hiện nghĩa vụ nộp bổ sung tiền thuê đất từ năm 2006 đến tháng 06 năm 2014 tại thửa đất số 51 (Số cũ 176/26) Hòa Bình, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 3.298.056.475 VND theo Thông báo số 12105/TB-CCT ngày 31/12/2019 của Chi cục thuế quận Tân Phú – Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh. Ban lãnh đạo Công ty quyết định đưa khoản thu thuế bổ sung này vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2019.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Bùi Văn Thảo

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0522-2018-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

Lê Kim Yến

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0550-2018-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.992.709.095	22.810.763.561
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	4.341.699.587	6.552.781.235
111	1. Tiền		4.341.699.587	3.552.781.235
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	3.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.697.431.824	4.614.327.982
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	04	3.758.134.532	4.632.386.215
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	38.248.010	545.250.960
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	174.175.820	13.417.345
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(273.126.538)	(576.726.538)
140	IV. Hàng tồn kho	08	13.456.983.130	11.597.545.401
141	1. Hàng tồn kho		13.456.983.130	11.597.545.401
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		496.594.554	46.108.943
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		59.145.918	46.108.943
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	437.448.636	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.815.392.877	15.240.824.461
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	144.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	-	144.000.000
220	II. Tài sản cố định		13.815.392.877	15.096.824.461
221	1. Tài sản cố định hữu hình	09	13.815.392.877	15.096.824.461
222	- Nguyên giá		46.246.372.373	45.828.624.191
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(32.430.979.496)	(30.731.799.730)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	-	-
231	- Nguyên giá		1.513.318.687	1.513.318.687
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.513.318.687)	(1.513.318.687)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		35.808.101.972	38.051.588.022

CHỖ
CỔ
CH
NG
A
AN K

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.181.848.219	7.074.395.336
310	I. Nợ ngắn hạn		8.153.848.219	7.074.395.336
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	215.216.973	298.010.037
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	115.883.518	642.352.397
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.299.120.253	805.910.448
314	4. Phải trả người lao động		2.071.807.002	1.865.720.998
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	55.000.000	56.775.342
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	330.000.000	330.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	2.028.530.982	1.569.932.128
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	1.500.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		38.289.491	5.693.986
330	II. Nợ dài hạn		28.000.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	28.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		27.626.253.753	30.977.192.686
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	27.626.253.753	30.977.192.686
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		19.654.400.000	19.654.400.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		19.654.400.000	19.654.400.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.681.066.443	3.681.066.443
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.290.787.310	7.641.726.243
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.342.313.707	3.956.400.877
421b	LNST chưa phân phối năm nay		948.473.603	3.685.325.366
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		35.808.101.972	38.051.588.022

Lê Thị Phương Dung
Người lập

Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	118.960.899.639	117.629.493.310
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		118.960.899.639	117.629.493.310
11	4. Giá vốn hàng bán	20	108.897.675.345	107.510.111.691
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		10.063.224.294	10.119.381.619
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26.137.966	5.418.733
22	7. Chi phí tài chính	22	9.940.621	103.153.492
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.938.692	103.153.492
25	8. Chi phí bán hàng	23	260.906.991	285.534.987
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.182.660.849	5.157.570.367
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.635.853.799	4.578.541.506
31	11. Thu nhập khác	25	188.768.508	71.042.447
32	12. Chi phí khác	26	3.481.364.642	9.193.609
40	13. Lợi nhuận khác		(3.292.596.134)	61.848.838
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.343.257.665	4.640.390.344
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	394.784.062	955.064.978
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>948.473.603</u>	<u>3.685.325.366</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	320	1.688

 

Lê Thị Phương Dung
Người lập

Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.343.257.665	4.640.390.344
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.699.179.766	1.858.175.570
03	- Các khoản dự phòng		(303.600.000)	285.478.900
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.929	(39.546)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.137.966)	(74.759.187)
06	- Chi phí lãi vay		9.938.692	103.153.492
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.722.640.086	6.812.399.573
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.351.459.183	(196.524.706)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.859.437.729)	10.826.770.569
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.545.082.007	(5.124.786.763)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.714.034)	(107.320.577)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.059.988.362)	(1.224.275.798)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(335.937.031)	(455.442.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.352.104.120	10.530.819.798
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(417.748.182)	(80.770.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	69.380.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.137.966	5.379.187
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(391.610.216)	(6.010.813)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		5.016.825.888	25.489.901.550
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(6.516.825.888)	(28.277.369.030)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.671.573.623)	(2.708.380.008)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.171.573.623)	(5.495.847.488)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.211.079.719)	5.028.961.497
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		6.552.781.235	1.523.780.192
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.929)	39.546
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>4.341.699.587</u>	<u>6.552.781.235</u>



Lê Thị Phương Dung
Người lập

Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng

Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Lưới thép Bình Tây, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP theo quyết định số 225/2003/QĐ-BCN ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303357746 (số cũ 4103002435), đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 06 năm 2004 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 14 ngày 06 tháng 05 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 19.654.400.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 19.654.400.000 đồng; tương đương 1.965.440 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh lưới thép.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang. Chi tiết: sản xuất sắt thép (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý. Chi tiết: sản xuất kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: mua bán sắt thép, kim loại màu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết mua bán vật liệu xây dựng.

Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Đồng Nai - Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất kinh doanh lưới thép
Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	Sản xuất kinh doanh thép

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ

30
CỔ
TCH N
NG
A
N KI

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Thiết bị văn phòng	08	năm

2.10 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
--------------------------	---------	-----

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

35
TY
HỮU HẠ
TOÁN
C
P. H. H.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan.... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên một thiểu số quan trọng, các thành viên



- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	159.957.396	344.923.213
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.181.742.191	3.207.858.022
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	<u>4.341.699.587</u>	<u>6.552.781.235</u>

4 . PHẢI THU NGÂN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Cấp điện và Hệ thống LS Việt Nam	-	-	475.635.160	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Tiêu điểm	-	-	619.345.815	-
- Công ty TNHH Cấp Tàihan Vina	-	-	528.996.160	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trương Hoàng Phúc	454.667.259	-	596.475.249	-
- Doanh nghiệp tư nhân Thảo Hương	50.180.240	-	506.086.960	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Dây & Cấp điện Tài Trường Thành	1.145.405.030	-	-	-
- Công ty TNHH Tân Phú Hòa	409.584.868	-	328.562.058	-
- Ông Nguyễn Hữu Tâm	455.485.412	-	249.377.956	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.242.811.723	(273.126.538)	1.327.906.857	(276.726.538)
	3.758.134.532	(273.126.538)	4.632.386.215	(276.726.538)
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 35)</i>	191.450.353	-	125.577.100	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng	-	-	300.000.000	(300.000.000)
- Công ty TNHH Thương mại Rông Tiến	-	-	209.550.000	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	38.248.010	-	35.700.960	-
	38.248.010	-	545.250.960	(300.000.000)

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	30.175.820	-	13.417.345	-
Ký cược, ký quỹ	144.000.000	-	-	-
	174.175.820	-	13.417.345	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	-	-	144.000.000	-
	-	-	144.000.000	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Cửa hàng Vật liệu Xây dựng Bình Long	174.244.426	-	174.244.426	-
- Công ty TNHH Nguyên Phong	86.064.797	-	86.064.797	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải Hiệp Hưng	12.817.315	-	16.417.315	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Thiết kế Xây dựng	-	-	300.000.000	-
	273.126.538	-	576.726.538	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.792.653.027	-	3.135.125.766	-
Công cụ, dụng cụ	60.899.373	-	5.673.188	-
Thành phẩm	8.603.430.730	-	8.456.746.447	-
	13.456.983.130	-	11.597.545.401	-

110
 GT
 M H
 M T
 SC
 1-15

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	17.390.600.862		24.142.028.546		4.245.994.784		49.999.999		45.828.624.191	
- Mua trong năm	-		381.000.000		-		36.748.182		417.748.182	
Số dư cuối năm	17.390.600.862		24.523.028.546		4.245.994.784		86.748.181		46.246.372.373	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	7.541.707.867		20.222.656.718		2.942.435.145		25.000.000		30.731.799.730	
- Khấu hao trong năm	623.711.467		775.699.048		291.988.075		7.781.176		1.699.179.766	
Số dư cuối năm	8.165.419.334		20.998.355.766		3.234.423.220		32.781.176		32.430.979.496	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	9.848.892.995		3.919.371.828		1.303.559.639		24.999.999		15.096.824.461	
Tại ngày cuối năm	9.225.181.528		3.524.672.780		1.011.571.564		53.967.005		13.815.392.877	

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

14.733.555.507 VND.

10 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tại ngày 31/12/2019, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động là nhà giới thiệu sản phẩm và nhà xưởng có nguyên giá là 1.513.318.687 VND và đã hết khấu hao.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	86.016.973	86.016.973	104.235.027	104.235.027
Công ty TNHH Thương mại - Vận tải Phương Thịnh	98.000.000	98.000.000	79.832.560	79.832.560
Công ty TNHH Enjoy Online	31.200.000	31.200.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	-	-	113.942.450	113.942.450
	215.216.973	215.216.973	298.010.037	298.010.037

12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thương mại Traco Long An	-	72.000.000
- Công ty Cổ phần Thép và Khoáng sản Kinh Đô	-	352.724.487
- Công ty TNHH Thép xây dựng và Lưới hàn Toàn Tâm	-	144.291.215
- Công ty TNHH MTV Sắt thép Phát Đạt	12.879.155	379.155
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đồng Phương	33.742.040	-
- Anh Thoại	29.989.000	-
- Người mua trả tiền trước khác	39.273.323	72.957.540
	115.883.518	642.352.397



13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	578.154.784	2.276.189.018	2.853.280.024	-	1.063.778
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	227.755.664	394.784.062	1.059.988.362	437.448.636	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	339.730.983	339.730.983	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	6.277.148.388	2.979.091.913	-	3.298.056.475
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	95.975.766	95.975.766	-	-
	-	805.910.448	9.388.828.217	7.333.067.048	437.448.636	3.299.120.253

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	1.775.342
- Chi phí phải trả khác	55.000.000	55.000.000
	55.000.000	56.775.342

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng	330.000.000	330.000.000
	330.000.000	330.000.000

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	154.100.000	82.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.553.181.375	1.293.874.998
- Phải trả tiền phụ cấp cho Hội đồng quản trị	127.200.000	175.200.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	194.049.607	18.757.130
	2.028.530.982	1.569.932.128
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	28.000.000	-
	28.000.000	-

ĐÓN
NHẬP
3 KI
AA
KIẾ

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	19.654.400.000	3.681.066.443	7.272.729.165	30.608.195.608
Lãi trong năm trước	-	-	3.685.325.366	3.685.325.366
Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	-	-	(368.168.288)	(368.168.288)
Chi trả cổ tức năm 2017	-	-	(2.948.160.000)	(2.948.160.000)
Số dư cuối năm trước	19.654.400.000	3.681.066.443	7.641.726.243	30.977.192.686
Số dư đầu năm nay	19.654.400.000	3.681.066.443	7.641.726.243	30.977.192.686
Lãi trong năm nay	-	-	948.473.603	948.473.603
Trích lập Quỹ phúc lợi (*)	-	-	(184.266.268)	(184.266.268)
Trích lập Quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành (*)	-	-	(184.266.268)	(184.266.268)
Chi trả cổ tức năm 2018 (*)	-	-	(3.930.880.000)	(3.930.880.000)
Số dư cuối năm nay	19.654.400.000	3.681.066.443	4.290.787.310	27.626.253.753

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 131/VDT/ĐHĐCĐ ngày 29/03/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018		3.685.325.366
Lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước để lại		3.956.400.877
Tổng lợi nhuận dùng để phân phối	100,00%	7.641.726.243
Trích Quỹ phúc lợi (bằng 5% kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018)	2,41%	184.266.268
Trích lập Quỹ khen thưởng HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành (bằng 5% kết quả kinh doanh sau thuế năm 2018)	2,41%	184.266.268
Chi trả cổ tức (bằng 20% vốn điều lệ)	51,44%	3.930.880.000
Lợi nhuận chưa phân phối	43,74%	3.342.313.707

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	40,06	7.874.500.000	40,06	7.874.500.000
- Các cổ đông khác	59,94	11.779.900.000	59,94	11.779.900.000
	100	19.654.400.000	100	19.654.400.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	19.654.400.000	19.654.400.000
- Vốn góp cuối năm	19.654.400.000	19.654.400.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	1.293.874.998	1.054.095.006
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.930.880.000	2.948.160.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(3.671.573.623)	(2.708.380.008)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	1.553.181.375	1.293.874.998

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	1.965.440	1.965.440
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	1.965.440	1.965.440
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.681.066.443	3.681.066.443
	3.681.066.443	3.681.066.443

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất và thuê kho xưởng sau:

- Hợp đồng thuê đất tại số 165/5, đường Nguyễn Văn Lương, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh có tổng diện tích thuê là 4.082 m² với mục đích cho thuê. Tiền thuê đất trả hàng năm là 345.631.104 VND.
- Hợp đồng thuê đất tại số 792, đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6, TP. Hồ Chí Minh có tổng diện tích thuê là 1.060,2 m² với mục đích cho thuê. Tiền thuê đất trả hàng năm là 152.821.469 VND.
- Hợp đồng thuê đất tại số 117, đường Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh có tổng diện tích thuê là 12.016 m² với mục đích làm trụ sở cho thuê. Tiền thuê đất trả hàng năm là 2.426.505.200 VND.

- Hợp đồng thuê đất tại Lô số 7, đường 5C, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 2, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê là 22.690 m² để sử dụng với mục đích làm nhà kho và cho thuê. Tiền thuê đất trả hàng năm là 593.161.867 VND.
- Hợp đồng thuê kho xưởng tại Lô D1-29 và D1-30, đường VL 2, khu công nghiệp Vĩnh Lộc Bến Lức, ấp Voi Lá, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An với tổng diện tích thuê là 1.440 m² để sử dụng với mục đích làm nhà xưởng. Tiền thuê nhà xưởng trả hàng năm là 785.454.545 VND.

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	50,51	63,71

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu bán thành phẩm	114.469.632.669	113.081.664.536
Doanh thu cho thuê mặt bằng	3.810.417.370	3.578.073.194
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	680.849.600	969.755.580
	118.960.899.639	117.629.493.310
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35.)	3.447.427.175	3.539.396.700

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	105.271.252.794	103.738.174.403
Giá vốn cho thuê mặt bằng	2.950.562.551	2.811.062.818
Giá vốn bán phế phẩm, phế liệu	675.860.000	960.874.470
	108.897.675.345	107.510.111.691

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi	26.137.966	5.379.187
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	39.546
	26.137.966	5.418.733

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	9.938.692	103.153.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.929	-
	9.940.621	103.153.492

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.205.312	51.476.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.161.423	223.803.647
Chi phí khác bằng tiền	8.540.256	10.254.545
	260.906.991	285.534.987

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	223.566.918	119.611.168
Chi phí nhân công	3.573.576.426	2.890.977.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng	108.606.243 (303.600.000)	107.075.067 285.478.900
Thuế, phí, và lệ phí	142.677.912	117.989.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	481.961.089	425.839.068
Chi phí khác bằng tiền	955.872.261	1.210.599.003
	5.182.660.849	5.157.570.367

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	69.380.000
Tiền đền bù bưu gửi do mất hóa đơn	5.000.000	-
Thu nhập từ khoản nợ không phải trả	172.043.350	-
Thu nhập khác	11.725.158	1.662.447
	188.768.508	71.042.447

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	137.082.674	9.084.545
Thuế GTGT không được khấu trừ	46.108.943	-
Tiền thuê đất nộp bổ sung (*)	3.298.056.475	-
Chi phí khác	116.550	109.064
	3.481.364.642	9.193.609

(*) Theo Thông báo số 12105/TB-CCT ngày 31/12/2019 của Chi cục thuế quận Tân Phú – Cục thuế TP. Hồ Chí Minh, Công ty nộp bổ sung tiền thuê đất từ năm 2006 đến tháng 06 năm 2014 tại thửa đất số 51 (Số cũ 176/26) Hòa Bình, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 3.298.056.475 VND.

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.343.257.665	4.640.390.344
Các khoản điều chỉnh tăng	676.493.596	464.934.545
- Chi phí không hợp lệ	209.408.993	164.934.545
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.929	-
- Phạt vi phạm hành chính	137.082.674	-
- Doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng năm nay	330.000.000	300.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(382.000.000)	(330.000.000)
- Doanh thu chưa thực hiện về cho thuê mặt bằng năm trước	(300.000.000)	(330.000.000)
- Các khoản thu nhập khác đã tính vào thu nhập chịu thuế năm trước	(82.000.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.637.751.261	4.775.324.889
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	327.550.252	955.064.978
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	67.233.810	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	227.755.664	496.966.484
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.059.988.362)	(1.224.275.798)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(437.448.636)	227.755.664

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	948.473.603	3.685.325.366
Các khoản điều chỉnh	(320.000.000)	(368.532.536)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	(320.000.000)	(368.532.536)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	628.473.603	3.316.792.830
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.965.440	1.965.440
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	320	1.688

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.600.951.433	86.481.154.907
Chi phí nhân công	13.209.150.728	11.952.869.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.699.179.766	1.858.175.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.332.811.526	6.205.873.161
Chi phí khác bằng tiền	6.645.834.015	5.259.128.818
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	114.487.927.468	111.757.202.207

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.341.699.587	-	6.552.781.235	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.932.310.352	(273.126.538)	4.789.803.560	(276.726.538)
	8.274.009.939	(273.126.538)	11.342.584.795	(276.726.538)
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			-	1.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác			2.271.747.955	1.867.942.165
Chi phí phải trả			55.000.000	56.775.342
			2.326.747.955	3.424.717.507

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền

15/12/2019
TP. HCM

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.341.699.587	-	-	4.341.699.587
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.659.183.814	-	-	3.659.183.814
	<u>8.000.883.401</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>8.000.883.401</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.552.781.235	-	-	6.552.781.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.369.077.022	144.000.000	-	4.513.077.022
	<u>10.921.858.257</u>	<u>144.000.000</u>	<u>-</u>	<u>11.065.858.257</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.243.747.955	28.000.000	-	2.271.747.955
Chi phí phải trả	55.000.000	-	-	55.000.000
	<u>2.298.747.955</u>	<u>28.000.000</u>	<u>-</u>	<u>2.326.747.955</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	1.500.000.000	-	-	1.500.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	1.867.942.165	-	-	1.867.942.165
Chi phí phải trả	56.775.342	-	-	56.775.342
	<u>3.424.717.507</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.424.717.507</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
a) Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường:	5.016.825.888	25.489.901.550

32 . THÔNG TIN KHÁC

a) Hợp tác đầu tư dự án Khu phức hợp Trung tâm Thương mại - Chung cư Steel Cali

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT ngày 02/07/2011 và Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 130/2014/PLHTĐT ngày 30/12/2014 giữa Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng nhà Thảo Loan và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Kinh doanh nhà Thảo Loan, các bên sẽ thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan để xây dựng dự án khu phức hợp Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 30% trong tổng vốn đầu tư dự án là 200.000.000.000 VND bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 117 đường Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Ngày 07/10/2014, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Công văn số 5124/UBND-ĐTMT công nhận Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Bình Tây - Thảo Loan làm chủ đầu tư Dự án Trung tâm thương mại - Chung cư Steel Cali tại địa chỉ 117 Âu Cơ, phường Phú Trung, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh. Tại thời điểm 31/12/2019, Công ty đang thực hiện các thủ tục để chuyển đổi mục đích sử dụng lô đất, đồng thời UBND Thành phố Hồ Chí Minh cũng chưa có văn bản thu hồi khu đất này nên Công ty vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất và trả tiền thuê đất cho Nhà nước.

b) Hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây

Theo các điều khoản trong Hợp đồng hợp tác đầu tư số 113/HĐLD-2009 ngày 24/09/2009 giữa Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây, Tổng Công ty Sông Hồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng, các bên sẽ thành lập Công ty Cổ phần Sông Hồng - Bình Tây để xây dựng chung cư Sông Hồng - Bình Tây. Theo đó, Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây cam kết sẽ góp 25% trong tổng số vốn đầu tư của dự án là 40.000.000.000 VND bằng lợi thế sử dụng đất và tài sản trên đất tại địa chỉ số 165/5 đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh. Cũng theo Hợp đồng này, Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây được 02 bên còn lại thanh toán tiền chuyển nhượng công trình (nhà xưởng), chi phí hỗ trợ, đền bù với số tiền là 5.000.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2019, Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án này có khả năng sẽ không thực hiện được do khu đất Công ty thuê của Nhà nước trả tiền hằng năm tại số 165/5, đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6 mà Công ty đang dùng làm tài sản hợp tác đã bị Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra quyết định thu hồi. (Xem thông tin về khu đất Công ty mang góp vốn tại thuyết minh c)

Công ty đã gửi Công văn số 64, 65 và 66/TB-VDT ngày 17/05/2018 đến các bên tham gia hợp tác để thông báo về vấn đề thu hồi đất trên. Ngày 11/06/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng đã gửi Công văn số 27/CV/CKSH/2019 đề nghị Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đi dời, bàn giao mặt bằng đã nhận từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2009 là 5.000.000.000 VND căn cứ vào điều khoản quy định trong hợp đồng: Trường hợp Dự án không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và Doanh nghiệp liên doanh không thực hiện được mục đích liên doanh vì lý do khách quan thì các bên liên doanh hoàn trả lại những gì đã nhận.

Đáp lại công văn trên, Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây ra Công văn số 54/CV-VDT ngày 14/06/2019 gửi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng với nội dung không có cơ sở để thực hiện việc hoàn trả tiền hỗ trợ đi dời đền bù vì việc Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh quyết định thu hồi đất không phải là do khách quan mà là do chủ quan vì các bên tham gia liên doanh chậm trễ trong việc triển khai dự án dẫn đến bị Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra quyết định thu hồi đất nên không phù hợp với lý do hoàn trả tiền trong điều khoản của hợp đồng liên doanh.

Hiện nay, các bên tham gia vẫn chưa tiến hành hợp và thống nhất xử lý hợp đồng đã ký kết và các vấn đề liên quan.

c) Tình trạng các khu đất Công ty thuê đang bị Nhà nước yêu cầu thu hồi

Ngày 11/05/2018, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ra Quyết định số 1996/QĐ-UBND thu hồi 02 khu đất do Công ty thuê sử dụng theo Quyết định số 900/QĐ-UBND ngày 02/03/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố với lý do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn, cụ thể như sau:

- Khu đất tại số 165/5, đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6: diện tích 4.094,4m², thuộc một phần thửa số 15, tờ bản đồ số 29, bộ địa chính phường 10, quận 6.
- Khu đất tại số 792, đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6: diện tích 1.060,2m², thuộc một phần thửa số 33



Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giao Trung tâm Phát triển Quỹ đất - Sở tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, quản lý 02 khu đất thu hồi nêu trên để thực hiện bán đấu giá theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, phối hợp với các sở ban ngành, đơn vị liên quan, lập phương án hỗ trợ, di dời tài sản trên đất (nếu có) theo quy định.

Ngày 17/05/2018, Công ty làm Đơn cứu xét số 68/VDT gửi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố không thu hồi lại 02 khu đất và cho phép Công ty tiếp tục được thực hiện 02 dự án hợp tác đầu tư. (Xem thông tin chi tiết về 02 dự án tại thuyết minh a và b)

Ngày 08/06/2018, Văn phòng Ủy ban nhân dân ra Công văn số 6265/VP-ĐT chuyển đơn cứu xét nêu trên cho Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, thực hiện theo quy định.

Ngày 11/06/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất - Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 499/PTQĐ-THĐ yêu cầu Công ty bàn giao 02 khu đất trước ngày 23/06/2018.

Ngày 13/06/2018, Công ty ra Công văn số 76/CV-VDT gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất yêu cầu các đơn vị liên quan xác định giá trị tài sản trên đất tại 02 khu đất trên tại thời điểm hiện nay để hỗ trợ Công ty di dời và bàn giao 02 khu đất trên, cụ thể như sau:

- Tại khu đất 165/5 đường Nguyễn Văn Lương, phường 10, quận 6 gồm:

+ Nhà văn phòng 1 lầu đúc, diện tích sàn xây dựng: 128m²;

+ Nhà xưởng tường gạch, kèo thép, mái tôn, nền bê tông, diện tích: 2.973,2m²;

Khối tài sản trên đã được Công ty thực hiện thanh lý theo Biên bản thanh lý tài sản cố định ngày 30/12/2009 với nguyên giá đã hết khấu hao là 1.468.000.000 VND để chuẩn bị mặt bằng bàn giao theo Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án Chung cư Sông Hồng - Bình Tây.

- Tại khu đất 792 đường Phạm Văn Chí, phường 7, quận 6 gồm:

+ Nhà văn phòng 1 lầu đúc, mái tôn, diện tích sàn xây dựng: 120m²;

+ Nhà xưởng tường gạch, kèo thép, mái tôn, nền bê tông, diện tích: 1.060,2m²;

Các tài sản này thuộc nhóm bất động sản đầu tư với nguyên giá đã hết khấu hao là 529.200.000 VND, hiện đang được Công ty cho thuê hoạt động (Xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

Ngày 22/06/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Công văn số 548/PTQĐ-THĐ gửi Công ty trong đó nêu rõ tài sản trên đất của 02 khu đất nêu trên không thuộc diện được bồi thường.

Ngày 28/06/2018, Công ty ra Công văn số 85/CV-VDT gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất đề nghị Trung tâm và các đơn vị liên quan xác định giá trị tài sản trên đất tại thời điểm hiện nay để bồi thường, hỗ trợ di dời và bàn giao 02 khu đất trên nhằm đảm bảo quyền lợi của Công ty.

Ngày 12/07/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Công văn số 603/PTQĐ-THĐ gửi Công ty, trong đó một lần nữa khẳng định lại tài sản trên đất của 02 khu đất nêu trên không thuộc diện được bồi thường và yêu cầu Công ty phải bàn giao 02 khu đất cho Trung tâm trước ngày 23/06/2018. Công ty chỉ được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời tài sản của Công ty còn lại trên khu đất. Trung tâm Phát triển quỹ đất đề nghị Công ty cung cấp cho Trung tâm bảng kê tổng hợp chi phí để Trung tâm trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định.

Ngày 31/07/2018, Công ty ra Công văn số 93/CV-VDT gửi Trung tâm Phát triển quỹ đất, trong đó nêu rõ Công ty chưa bàn giao 02 khu đất cho Trung tâm vì Trung tâm và các đơn vị liên quan vẫn chưa thực hiện việc định giá tài sản trên đất cho Công ty để bồi thường, hỗ trợ, di dời theo nội dung đã nêu trong Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 11/05/2018 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 10/09/2018, Trung tâm Phát triển quỹ đất ra Công văn số 781/PTQĐ-THĐ gửi Công ty với nội dung như sau: Trung tâm đã tổ chức họp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 6, Sở xây dựng (vắng), Sở tư pháp (vắng, tuy nhiên cho biết đã có ý kiến tại văn bản số 1866/STP-VB ngày 01/03/2018), Cục thuế thành phố (vắng) để trao đổi về quy định pháp luật liên quan trong việc xử lý các yêu cầu của Công ty. Sau cuộc họp, các đơn vị thống nhất là không có cơ sở xem xét tính bồi thường về đất, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, bồi thường tài sản gắn liền với đất đối với 02 khu đất nêu trên. Về việc hỗ trợ chi phí di dời tài sản trên đất, Trung tâm đề nghị Công ty lập phương án di dời và báo cáo chi phí di dời tại Ủy ban nhân dân Thành phố.

1110
CÔNG
NHÌEM
G KIỂM
AAS
V KIỂM

Ngày 01/11/2019, Công ty ra Công văn số 95/CV-VDT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh xem xét lại Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 11/05/2018 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh và cho phép Công ty tiếp tục được thực hiện dự án tại 165/5 đường Nguyễn Văn Luông, phường 10, quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Đáp lại Công văn số 781/PTQĐ-THĐ của Trung tâm Phát triển quỹ đất, Công ty ra Công văn số 102/CV-VDT ngày 18/11/2019 gửi Trung tâm, trong đó khẳng định Công ty chấp hành Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 11/05/2018 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, Công ty đang xin cứu xét về quyết định này theo Đơn cứu xét số 68/VDT gửi Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã đề cập ở trên. Hiện nay, Công ty đang chờ Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét trả lời. Ngoài ra, việc xác định giá trị đền bù, hỗ trợ tài sản trên đất phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định, Công ty không có chức năng để tự xác định được. Do đó, Công ty chưa có căn cứ để thực hiện theo nội dung của Công văn số 781/PTQĐ-THĐ ngày 10/09/2018 của Trung tâm.

Hiện tại, Công ty vẫn chưa bàn giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất và đang tiếp tục làm việc với Trung tâm Phát triển Quỹ đất về vấn đề hỗ trợ tài sản trên đất nêu trên.

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh thép	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	114.469.632.669	4.491.266.970	118.960.899.639
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.198.379.875	864.844.419	10.063.224.294
Tổng chi phí mua TSCĐ	417.748.182	-	417.748.182
Tài sản bộ phận trực tiếp	30.795.632.011	217.999.648	31.013.631.659
Tài sản không phân bổ	-	-	4.794.470.313
Tổng tài sản	30.795.632.011	217.999.648	35.808.101.972
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	2.177.531.473	512.100.000	2.689.631.473
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.492.216.746
Tổng nợ phải trả	2.177.531.473	512.100.000	8.181.848.219

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh lưới thép và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2019</u> VND	<u>Năm 2018</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.447.427.175	3.539.396.700
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	447.416.500	657.557.500
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	63.969.500	75.428.500
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	197.376.000	129.525.500
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	20.656.900	58.660.000
- Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	2.590.174.000	2.618.225.200
- Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam	127.834.275	-
Mua nguyên liệu, hàng hóa, dịch vụ		34.615.635.984	29.205.882.879
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	42.555.800	2.960.000
- Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	34.279.855.421	28.994.252.457
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	48.000.000	48.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam	143.908.543	119.266.947
- Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam	88.316.220	41.403.475
- Công ty Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam	13.000.000	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		191.450.353	125.577.100
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	-	58.339.600
- Công ty Cổ phần Mạ Kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	Công ty con của Tổng Công ty Thép Việt Nam	168.462.800	67.237.500
- Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Tổng Công ty Thép Việt Nam	22.987.553	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	724.998.091	653.028.636
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	458.155.321	589.336.048

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lê Thị Phương Dung
Người lập



Lê Thị Phương Dung
Kế toán trưởng



Lê Hải Tú
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2020